

NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC THỜI LÝ TIẾP CẬN TỪ CÁC LÝ THUYẾT LIÊN NGÀNH

Vũ Thị Hằng¹

Tóm tắt: Bài viết tiếp cận nghệ thuật điêu khắc trong các ngôi chùa thời Lý (thế kỷ XI-XII) như một hệ thống biểu tượng – xã hội – thẩm mỹ phức hợp, thông qua việc vận dụng 11 lý thuyết nghiên cứu liên ngành hiện đại. Bài viết này tương tự như một công trình nghiên cứu, khẳng định rằng điêu khắc chùa thời Lý không chỉ là sản phẩm của mỹ thuật mà còn là diễn ngôn quyền lực – tôn giáo – giới tính – dân tộc trong một hệ thống thiết kế thiêng liêng, đặc thù riêng. Chùa thời Lý với tư cách là một thực thể toàn thể, trở thành một không gian biểu tượng sống động nơi nghệ thuật, tín ngưỡng và bản sắc dân tộc được tổ chức một cách có hệ thống và đầy tính tương tác.

Từ khoá: điêu khắc chùa thời Lý, Biểu tượng – nghi lễ – bản sắc, lý thuyết liên ngành, ký hiệu học, mỹ học Phật giáo, nghệ thuật và quyền lực.

1. MỞ ĐẦU

Thời Lý (thế kỷ XI-XII) là thời kỳ đỉnh cao về nghệ thuật Phật giáo của Việt Nam, đặc biệt là nghệ thuật điêu khắc trong kiến trúc chùa. Các công trình chùa thời Lý không chỉ là nơi thờ tự, hành lễ mà còn là không gian hội tụ của triết lý, mỹ học, tín ngưỡng và bản sắc dân tộc. Điêu khắc trong các chùa thời Lý như: tượng Phật, phù điêu, linh thú, lan can đá, tháp mộ, bệ tượng, văn bia... không chỉ có giá trị thẩm mỹ mà còn hàm chứa những hệ tư tưởng sâu sắc và phản ánh cấu trúc xã hội – văn hoá đương thời. Tuy nhiên, trong nhiều thập kỷ, nghiên cứu về điêu khắc chùa thời Lý phần lớn vẫn tập trung ở góc nhìn lịch sử mỹ thuật, khảo cổ học hoặc nghệ thuật học thuần túy, thiên về mô tả, niên đại, phong cách hình tượng và kỹ thuật tạo hình. Điều này đã hạn chế góc nhìn đa chiều và chức năng xã hội – văn hoá của nghệ thuật điêu khắc trong bối cảnh chùa thời Lý.

Để khắc phục điều đó, bài viết này đề xuất một cách tiếp cận liên ngành, nhằm khám phá điêu khắc chùa thời Lý như một hệ thống thẩm mỹ – biểu tượng – xã hội. Trong hệ thống đó, mỗi hình tượng, mỗi bố cục điêu khắc không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật đơn lẻ mà còn là một đơn vị truyền tải thông tin, niềm tin, bản sắc, quyền lực và trải nghiệm. Từ góc nhìn này, chùa thời Lý với tổng thể kiến trúc và điêu khắc của nó có thể được hiểu như một “văn bản lớn” – nơi các hình tượng được mã hoá như ký hiệu, diễn ngôn và cảm nhận liên kết với nhau thành một mạng lưới ý nghĩa.

¹ Trường THCS Tây Sơn

Bài viết cũng tập trung vào nghiên cứu các chùa vùng châu thổ sông Hồng – trung tâm chính trị, văn hoá và tôn giáo của Đại Việt thế kỷ XI-XII. Các trường hợp cụ thể như chùa Phật Tích, chùa Long Đọi Sơn, chùa Dạm,... sẽ được phân tích như những mô hình điển hình cho hệ thống biểu tượng và cấu trúc thẩm mỹ – xã hội mà điêu khắc Phật giáo thời Lý kiến tạo nên. Song song đó, phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là phương pháp liên ngành, kết hợp giữa phân tích ký hiệu học, diễn ngôn phê bình, phân tích hệ thống và tiếp cận hiện tượng học – xã hội học – nhân học. Từ đó bài viết không chỉ đưa ra cái nhìn mới mẻ về nghệ thuật điêu khắc của thời Lý mà còn góp phần đề xuất một hướng tiếp cận toàn diện, mang tính tích hợp giữa truyền thống và hiện đại trong nghiên cứu mỹ thuật và di sản văn hoá Việt Nam.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Sự cần thiết của tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu điêu khắc chùa thời Lý

Trong lịch sử văn hoá và mỹ thuật Việt Nam, nghệ thuật điêu khắc thời Lý đóng vai trò như một minh chứng tiêu biểu cho sự hài hoà giữa thẩm mỹ, tư tưởng tôn giáo và bản sắc dân tộc. Các công trình chùa thời Lý không chỉ phản ánh trình độ kỹ thuật điêu luyện và tư duy tạo hình phong phú của nghệ nhân Đại Việt mà còn là nơi kết tinh của thế giới quan Phật giáo Đại thừa, vũ trụ quan phương Đông và những cấu trúc quyền lực xã hội đương thời. Trong đó, điêu khắc đóng vai trò then chốt, vừa là yếu tố kiến tạo không gian linh thiêng, vừa là phương tiện biểu đạt triết lý, vừa là một hình thức truyền thông đặc biệt của cộng đồng Phật tử.

Tuy nhiên nếu nghiên cứu về hệ thống điêu khắc trong các ngôi chùa thời Lý mà chỉ tiếp cận theo lối mô tả thuần túy dường như không còn đủ để lý giải được chiều sâu của cấu trúc biểu tượng, chức năng xã hội – tôn giáo, cũng như tác động lâu dài của các hình tượng này đến đời sống tinh thần người Việt. Điêu khắc trong chùa thời Lý không tồn tại như một hình thức nghệ thuật biệt lập mà là một phần không thể tách rời của hệ thống kiến trúc – tín ngưỡng – cộng đồng – quyền lực – mỹ học – ngôn ngữ biểu tượng, đòi hỏi một phương pháp tiếp cận mang tính toàn diện, đa ngành và xuyên tầng ý nghĩa.

Trong bối cảnh nghiên cứu di sản và mỹ thuật hiện nay, phương pháp nghiên cứu liên ngành ngày càng được coi là công cụ hiệu quả để vượt qua giới hạn của những lối tiếp cận chuyên biệt. Tiếp cận liên ngành không chỉ đơn thuần là kết hợp các ngành khác nhau mà còn là sự tích hợp các công cụ lý thuyết, mô hình phân tích và hệ hình tư duy nhằm khám phá các tầng nghĩa phức hợp của đối tượng nghiên cứu. Đặc biệt với các hiện tượng nghệ thuật – tôn giáo có tính đa chiều như điêu khắc chùa thời Lý, tiếp cận liên

ngành sẽ giúp tái cấu trúc lại cách hiểu về chức năng, giá trị và vai trò của nghệ thuật trong đời sống văn hoá lịch sử.

Tiếp cận liên ngành còn phù hợp với bản chất “mở” của điêu khắc thời Lý. Mỗi hình tượng trong chùa không có một nghĩa cố định mà mang tính đa nghĩa, phụ thuộc vào ngữ cảnh, vị trí, thời điểm tiếp nhận và cảm năng lực cảm thụ của người xem. Đây là một điểm tương đồng với thuyết hậu cấu trúc và giải cấu trúc – nơi ý nghĩa không nằm sẵn trong đối tượng mà được kiến tạo qua diễn ngôn và tương tác. Chỉ có tiếp cận liên ngành mới cho phép người nghiên cứu khám phá được tính linh hoạt, biến hoá và khả năng đa nghĩa của điêu khắc Phật giáo thời Lý.

2.2. Các lý thuyết được áp dụng để nghiên cứu về nghệ thuật điêu khắc chùa thời Lý

Thứ nhất, lý thuyết lĩnh vực (Pierre Bourdieu). Khái niệm “field” – lĩnh vực như một không gian xã hội đặc thù, nơi các tác nhân (nghệ sĩ, người bảo trợ, thể chế) đấu tranh để xác lập vị thế, quyền lực biểu tượng và tích lũy các loại nguồn lực như kinh tế, văn hoá, xã hội, biểu tượng. Trong nghiên cứu điêu khắc chùa thời Lý, lý thuyết này giúp ta hiểu chùa như một trường tôn giáo – nghệ thuật – quyền lực, nơi điêu khắc là sản phẩm của sự tương tác giữa nhà nước trung ương (triều đình Lý), giới tu sĩ Phật giáo và cộng đồng cư dân Đại Việt.

Thứ hai, lý thuyết công nghiệp văn hoá. Lý thuyết này được vận dụng để tạo ra đối trọng nhìn nhận sự phi thương mại hoá, phi tiêu chuẩn hoá của nghệ thuật điêu khắc thời Lý – nơi các giá trị thiêng, phi vật chất và tính độc bản được đề cao. Qua đó ta có thể tái khẳng định vai trò của điêu khắc chùa như một hình thức nghệ thuật phục vụ cộng đồng và tâm linh thay vì bị điều tiết bởi cơ chế thị trường.

Thứ ba, lý thuyết hậu thuộc địa. Lý thuyết này cho phép ta đặt điêu khắc Phật giáo thời Lý trong bối cảnh đối thoại với ảnh hưởng Hán học và Ấn Độ giáo, từ đó xác định các yếu tố bản địa hoá trong mỹ học, biểu tượng và nội dung tư tưởng. Thông qua lý thuyết này, người nghiên cứu có thể nhận diện tính chủ thể văn hoá của Đại Việt – quốc gia độc lập sau 1000 năm Bắc thuộc – trong quá trình kiến tạo một mỹ học Phật giáo riêng biệt.

Thứ tư, lý thuyết giới và nghiên cứu nữ quyền. Nghiên cứu điêu khắc qua lăng kính giới giúp làm nổi bật hình ảnh của các nữ thần, Phật, mẫu, tiên nữ hoặc các yếu tố tượng trưng cho tính âm – dương trong điêu khắc tôn giáo. Lý thuyết này đặc biệt hữu ích trong việc khám phá cấu trúc giới và bản sắc giới tính được kiến tạo trong không gian linh thiêng của chùa, từ đó phản ánh thế giới quan hoà hợp, lưỡng hợp và phi nhị nguyên giới của mỹ học Phật giáo Đại thừa.

Thứ năm, lý thuyết hiện tượng học. Lý thuyết này nhấn mạnh vào trải nghiệm chủ thể trực tiếp – cách con người cảm nhận thế giới trước khi tiến hành diễn giải lý tính. Khi áp dụng vào nghiên cứu điêu khắc chùa thời Lý, hiện tượng học cho phép ta phân tích trải nghiệm không gian của người hành lễ, cách họ cảm nhận tượng Phật qua ánh sáng, sự chuyển động cơ thể trong hành lang chùa, sự tương tác với các phù điêu đặt ở tầm mắt, tầm tay...

Thứ sáu, lý thuyết hậu cấu trúc và giải cấu trúc. Lý thuyết hậu cấu trúc của Foucault cung cấp khái niệm về quyền lực – tri thức – diễn ngôn, giúp nhìn nhận điêu khắc như một cơ chế định hình tư tưởng và kiểm soát xã hội. Trong khi đó lý thuyết giải cấu trúc của Derrida đặt lại vấn đề về tính đa nghĩa của văn bản và nghệ thuật. Cả hai lý thuyết đều giúp ta tiếp cận điêu khắc như một hình thức diễn ngôn – không mang ý nghĩa cố định mà luôn mở ra khả năng diễn giải tùy vào bối cảnh, quyền lực, vị trí của người tiếp nhận.

Thứ bảy, lý thuyết mỹ học mở rộng. Lý thuyết này mở rộng khái niệm mỹ thuật ra khỏi giới hạn của các hình thức nghệ thuật truyền thống, cho phép ta xem xét điêu khắc trong mối quan hệ với kiến trúc, cảnh quan, ánh sáng, thiết kế không gian và đời sống thường nhật trong chùa. Từ đó, chùa không chỉ là nơi hành lễ mà còn là không gian mỹ học tổng hợp – nơi nghệ thuật điêu khắc tham gia kiến tạo trải nghiệm thiêng liêng.

Thứ tám, Lý thuyết hệ thống. Lý thuyết này coi điêu khắc không phải là đơn vị độc lập mà là một bộ phận trong hệ thống cấu trúc tổng thể của chùa bao gồm: kiến trúc, tôn giáo, nghi lễ, cộng đồng, thiên nhiên. Lý thuyết này đặc biệt hữu ích khi nghiên cứu điêu khắc như một mắt xích trong mạng lưới các thành tố thẩm mỹ – xã hội – chức năng tương tác lẫn nhau, hình thành một hệ sinh thái biểu tượng.

Thứ chín, lý thuyết thông tin và truyền thông. Điêu khắc lúc này được hiểu như một quá trình mã hoá – truyền đạt – giải mã thông tin. Tác phẩm điêu khắc là thông điệp, nghệ nhân là người gửi thông điệp, ngữ cảnh văn hoá – tôn giáo là kênh truyền còn cộng đồng cùng Phật tử là người nhận.

Thứ mười, lý thuyết ký hiệu học. Lý thuyết ký hiệu học cung cấp hệ thống công cụ để phân tích các biểu tượng thị giác trong điêu khắc như một hệ thống ký hiệu.

Thứ mười một, lý thuyết nhân học nghệ thuật. Lý thuyết này xem xét vai trò của điêu khắc trong nghi lễ, đời sống cộng đồng, hệ thống tín ngưỡng dân gian và Phật giáo bản địa. Nhân học nghệ thuật không chỉ lý giải chức năng xã hội của tác phẩm mà còn đặt trọng tâm vào mối quan hệ giữa người – vật – thần – không gian – nghi lễ.

2.3. Xây dựng khung phân tích tổng hợp: ba tầng tiếp cận

Tiếp cận liên ngành không chỉ dừng lại ở việc liệt kê hoặc nối kết các lý thuyết riêng biệt mà cần được tổ chức thành một khung phân tích thống nhất để tránh rơi vào tình trạng tổng hợp một cách rời rạc. Nghiên cứu về điêu khắc chùa thời Lý là nghiên cứu về một hiện tượng đa tầng, đa chức năng. Mỗi tầng phản ánh một cấp độ phân tích riêng, gắn liền với nhóm lý thuyết cụ thể và tất cả cùng liên kết trong một hệ thống diễn giải tổng thể về điêu khắc như một hệ hình văn hoá – mỹ học – xã hội.

Tầng 1: Biểu tượng – Ngôn ngữ thị giác – Hệ thống ký hiệu. Đây là tầng cơ bản nhất, nơi các hình tượng điêu khắc được phân tích như một hệ thống ký hiệu học bao gồm các yếu tố tạo hình như đường nét, bố cục, hình thể, chất liệu, vị trí và tương quan biểu tượng.

- Lý thuyết ký hiệu học được vận dụng để giải mã từng hình tượng điêu khắc rồng, phượng, hoa sen, hộ pháp, tiên nữ, vân mây... như những đơn vị ngôn ngữ thị giác với lớp nghĩa biểu đạt riêng biệt. Mỗi hình ảnh là một signifier mang theo những giá trị văn hoá, triết lý và niềm tin văn hoá được mã hoá trong đó.

- Lý thuyết truyền thông - thông tin đóng vai trò hỗ trợ, xem điêu khắc như phương tiện truyền tải thông điệp, nơi nghệ nhân là người gửi, chùa là kênh truyền và cộng đồng Phật tử là người nhận trong một quá trình giao tiếp phi ngôn ngữ.

- Lý thuyết hậu cấu trúc lại đề xuất rằng hình ảnh không mang nghĩa cố định mà mở ra khả năng đa nghĩa, lệ thuộc vào vị trí – ngữ cảnh – thời gian – quyền lực và năng lực diễn giải của người tiếp nhận

Tầng 2: Diễn ngôn - Quyền lực - Bối cảnh xã hội. Tầng này đi sâu vào phân tích bối cảnh lịch sử – xã hội – tôn giáo đã tạo nên các hình tượng điêu khắc, đặt trọng tâm vào các cơ chế kiến tạo ý nghĩa tập thể và quyền lực biểu tượng.

- Lý thuyết Lĩnh vực giúp xác lập vị trí của chùa trong cấu trúc xã hội thời Lý như một ngôi trường nghệ thuật – tôn giáo, nơi các nghệ nhân, vua chúa, tu sĩ và cộng đồng nhân dân tương tác để hình thành các giá trị biểu tượng.

- Lý thuyết phân tích diễn ngôn cung cấp khung phân tích về cách quyền lực được thể chế hoá thông qua diễn ngôn nghệ thuật. Một tượng rồng đặt trên bậc tam cấp không chỉ là hình trang trí mà còn là biểu tượng của quyền uy chính trị và ý chí bảo trợ Phật pháp của triều đình.

- Lý thuyết giới mở rộng. Vào việc tái hiện vai trò giới trong điêu khắc: sự vắng mặt hoặc hiện diện của hình ảnh phụ nữ; sự thiêng liêng hoá tính âm (Quan Thế Âm), tính dương (Kim Cương, Hộ pháp); và cấu trúc lưỡng hợp giới tính trong mỹ học Phật giáo.

- Lý thuyết hậu thuộc địa hỗ trợ xác lập bản sắc Đại Việt qua quá trình bản địa hoá nghệ thuật Phật giáo – tức sự lựa chọn, chuyển hoá và Việt hoá các mô hình biểu tượng gốc từ Trung Hoa, Ấn Độ.

Tầng 3: Trải nghiệm – Không gian – Tương tác cơ thể. Ở tầng này, người nghiên cứu chuyển trọng tâm từ hình ảnh và quyền lực sang trải nghiệm chủ thể, tức là cách con người sống, cảm, chạm, tương tác với không gian chùa và các yếu tố điêu khắc.

- Lý thuyết hiện tượng học là cơ sở nền tảng: thay vì phân tích khách thể, lý thuyết này tập trung vào trải nghiệm sống của chủ thể. Các yếu tố như chiều cao tượng Phật, sự tương phản ánh sáng, vị trí đặt phù điêu, chất liệu đá – gỗ – gốm đều ảnh hưởng đến cách con người tiếp nhận và cảm thụ điêu khắc.

- Lý thuyết mỹ học mở rộng đặt điêu khắc vào tổng thể kiến trúc – cảnh quan – âm thanh – nghi lễ. Một tượng thần canh cổng không chỉ để ngắm mà còn để bước qua, cúi đầu, tiếp nhận năng lượng thiêng, trở thành một phần của hành vi tôn giáo.

- Lý thuyết hệ thống cho phép xem điêu khắc là một phần của hệ tương tác giữa con người – tác phẩm – không gian – tín ngưỡng – nghi thức – ngôn ngữ. Sự thay đổi ở một mắt xích có thể ảnh hưởng đến toàn bộ cảm nhận thẩm mỹ – linh thiêng của không gian chùa.

- Lý thuyết nhân học nghệ thuật lý giải chức năng xã hội của tác phẩm điêu khắc, đặt trọng tâm vào mối quan hệ giữa người – vật – thần – không gian – nghi lễ.

2.4. Điêu khắc chùa thời Lý trong không gian xã hội – tôn giáo

Giai đoạn đầu thế kỷ XI sau khi đất nước giành lại được độc lập từ ách thống trị phương Bắc, triều đại nhà Lý đã đặt nền móng cho một quốc gia quân chủ tập quyền vững chắc dựa trên trục tư tưởng trung tâm là Phật giáo. Phật giáo được lựa chọn là hệ tư tưởng quốc gia, vừa để đoàn kết lòng dân, vừa để xây dựng một bản sắc văn hoá tách biệt với ảnh hưởng Hán hoá. Chính trong bối cảnh đó hệ thống chùa chiền được nhà nước bảo trợ mạnh mẽ trở thành trung tâm của đời sống tinh thần, văn hoá và nghệ thuật Đại Việt.

Theo lý thuyết lĩnh vực của Pierre Bourdieu, mỗi lĩnh vực xã hội là một không gian quan hệ đặc thù, trong đó các cá nhân và tổ chức hoạt động theo nguyên tắc riêng và tìm cách tích lũy các loại vốn như: vốn kinh tế, vốn xã hội, vốn văn hoá, vốn biểu tượng. Lý thuyết này đặc biệt nhấn mạnh rằng trong mỗi lĩnh vực luôn tồn tại sự đấu tranh không ngừng để xác lập vị thế, quyền lực và ảnh hưởng. Mỗi tác nhân trong lĩnh vực đều theo đuổi chiến lược hành động nhằm duy trì hoặc nâng cao vị thế của mình trong cấu trúc quyền lực.

Khi vận dụng lý thuyết này vào nghiên cứu chùa thời Lý, có thể khẳng định rằng chùa thời Lý không chỉ là nơi thờ phụng Phật giáo đơn thuần mà là một “trường xã hội” đa chức năng. Trong đó, điêu khắc đóng vai trò như một hình thức “ngôn ngữ biểu tượng” mang tính vật chất, biểu đạt và tái cấu trúc các quan hệ xã hội, đồng thời phản ánh hệ thống tư tưởng và trật tự quyền lực đương thời.

Lý thuyết lĩnh vực khi được áp dụng trong phân tích điêu khắc trong chùa thời Lý cho ta thấy nghệ thuật này không chỉ là kết quả của bàn tay nghệ nhân hay niềm tin tôn giáo mà còn là sản phẩm tổng hợp của hệ thống xã hội – tôn giáo – chính trị vận hành

theo cơ chế tích lũy và trao đổi các loại vốn biểu tượng. Trong trường chùa, điêu khắc giữ vai trò trung tâm trong việc kiến tạo không gian thiêng, truyền tải thông điệp quyền lực, biểu hiện bản sắc dân tộc và củng cố cấu trúc xã hội đương thời.

2.5. Toàn thể chùa như một thiết kế liên ngành

*** Chùa thời Lý như một hệ thống thẩm mỹ - xã hội - biểu tượng**

Lý thuyết hệ thống cho rằng: bất kỳ một thực thể văn hoá – xã hội nào cũng là tập hợp của nhiều bộ phận có quan hệ tương tác, phụ thuộc và tạo ra chức năng vượt lên trên tổng của từng phần. Khi nhìn vào tổng thể một ngôi chùa thời Lý như chùa Phật Tích, chùa Long Đọi Sơn, chùa Thầy, chùa Một Cột... ta nhận thấy luôn có sự thống nhất trong tổng thể kiến trúc và nghệ thuật. Chùa là một hệ thống tích hợp, nơi mọi yếu tố kiến trúc, điêu khắc, nghi lễ, con người, cảnh quan... cùng vận hành trong một cấu trúc mang tính tư tưởng, thẩm mỹ, xã hội. Điêu khắc chùa thời Lý không thể tách rời khỏi kiến trúc và toàn bộ chùa chính là một thực thể thẩm mỹ sống động, đa tầng và liên ngành. Các thành phần của điêu khắc cũng như một hệ thống liên kết, nó gồm nhiều hình thức và chất liệu tuy nhiên chúng không tồn tại rời rạc mà gắn kết với nhau theo một nguyên lý tổ chức không gian - chức năng - biểu tượng rõ rệt.

- Tượng Phật là trung tâm tư tưởng: Các tượng Phật được đặt ở trung tâm điện thờ, vị trí cao nhất toạ trên đài sen hoặc bệ đá được điêu khắc công phu, thu hút mọi ánh nhìn, cảm xúc và sự hướng nội của người viếng chùa.

- Tượng Hộ pháp là thần hộ vệ hệ thống: được đặt hai bên lối vào hoặc hành lang chùa, có chức năng canh giữ, mang tính biểu tượng của quyền uy, bảo vệ đạo pháp, chống lại vô minh. Chúng có vai trò làm rào chắn tâm linh, như tường lửa trong hệ thống bảo mật.

- Phù điêu là kênh truyền thông hình ảnh: thuật lại các câu chuyện, biểu tượng, giáo lý như một dạng truyền thông tĩnh. Chúng truyền đạt ý tưởng Phật giáo thông qua hình ảnh, màu sắc, đường nét.

- Cột đá, bệ tượng, tháp mộ, lan can: là các yếu tố nền tảng, vừa nâng đỡ tượng vừa kết nối giữa các không gian. Chúng góp phần định hình nhịp điệu, chiều sâu, hướng chuyển động thị giác của người xem.

Có thể nói, mỗi thành phần là một module trong hệ thống chùa, nhưng chỉ có ý nghĩa khi kết nối với các thành phần khác theo logic tổng thể.

*** Quan hệ tương hỗ giữa điêu khắc – kiến trúc – không gian – con người – nghi lễ**

Chùa thời Lý thường được quy hoạch theo trục chính điện (trục dọc), hướng Nam hoặc Đông Nam, chia thành các lớp không gian: Cổng – sân – hành lang – tiền đường – chính điện – hậu điện – tháp... Từng lớp không gian đều được xác lập và nhấn mạnh bằng điêu khắc. Không gian di chuyển này đồng thời là một hành tri thị giác – nghi lễ – nhận thức – triết lý. Hệ thống điêu khắc không đơn thuần là vật thể mà là phần tử tương tác trong cấu trúc nghi lễ – cộng đồng – nhận thức, nó chỉ có thể sống khi có con người tương tác như tụng kinh, cầu siêu, lễ Phật, lễ hội, giảng pháp. Trong đó:

- Điều khắc là phong nền thị giác cho cảm xúc tâm linh
- Tượng là đối tượng thiêng để giao tiếp, quán tưởng, hồi hướng
- Không gian được “kích hoạt” qua âm thanh, ánh sáng, chuyển động, tạo nên tổng hoà cảm xúc.

Dưới lăng kính của lý thuyết hệ thống, chùa thời Lý không chỉ là công trình kiến trúc hay nghệ thuật mà là thiết kế văn hoá toàn diện, trong đó mỗi tượng, mỗi cột đá, mỗi phù điêu đều có vai trò nhất định để kích hoạt hệ thống biểu tượng, tư tưởng và cảm xúc cộng đồng.

3. KẾT LUẬN

Sau khi áp dụng các lý thuyết vào phân tích nghệ thuật điêu khắc chùa thời Lý như đã phân tích ở trên, ta thấy điêu khắc chùa thời Lý không chỉ là nghệ thuật hình thể mà còn là một diễn ngôn văn hoá – xã hội được mã hoá bằng biểu tượng. Dưới lăng kính liên ngành, các công trình điêu khắc đã được giải mã: như một công cụ truyền thông thị giác; biểu hiện của quyền lực chính trị – tôn giáo lồng ghép; là không gian giáo dục, cộng đồng, nghi lễ sống động; là những thực thể biểu tượng đa tầng, nơi giới tính, bản sắc dân tộc, giá trị thẩm mỹ được thể hiện bằng cấu trúc hình ảnh tinh tế.

Việc áp dụng đa dạng các lý thuyết nghiên cứu cũng giúp mở rộng khung nghiên cứu mỹ thuật truyền thống từ hướng tiếp cận đơn ngành sang góc nhìn liên ngành: vận dụng lý thuyết hệ thống để khái quát hoá chùa như một thiết kế tương tác toàn phần; vận dụng lý thuyết ký hiệu học để đọc tượng Phật như văn bản biểu tượng; Vận dụng lý thuyết diễn ngôn và hậu cấu trúc để giải mã mối quan hệ quyền lực – niềm tin trong nghệ thuật tôn giáo; vận dụng lý thuyết nhân học nghệ thuật và hiện tượng học để giải thích sự tương tác giữa con người và điêu khắc trong trải nghiệm riêng; kết hợp lý thuyết giới và hậu thuộc địa để phân tích tính bản địa hoá, tính lưỡng hợp âm – dương và vai trò nữ thần trong kiến trúc tôn giáo Đại Việt.

Vận dụng góc nhìn liên ngành cũng đã đưa ra được một khung phân tích linh hoạt gồm 3 trục: Biểu tượng học, xã hội học và trải nghiệm học. Sự tích hợp này không chỉ tạo ra cái nhìn sâu sắc hơn về nghệ thuật điêu khắc chùa thời Lý mà còn đặt nền móng cho phương pháp nghiên cứu mỹ thuật truyền thống trong thời đại hiện đại và hậu hiện đại.

Từ kết quả đã đạt được, phương pháp nghiên cứu liên ngành về chủ đề này cũng là tiền đề gợi ý cho một số các hướng nghiên cứu tiếp theo như: So sánh điêu khắc Phật giáo thời Lý với các thời kỳ khác; phát triển hướng nghiên cứu về di sản – tương tác – biểu tượng; ứng dụng trong thực hành sáng tạo – bảo tồn – trưng bày di sản. Sẽ có rất nhiều các chủ đề nghiên cứu chất lượng, uy tín được thực hiện theo hướng tích hợp, liên ngành như thế này trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Quang Trứ (2012). Mỹ thuật Phật giáo Việt Nam. NXB Mỹ Thuật, Hà Nội.
2. Trần Lâm Biền (2002). Di sản văn hoá phi vật thể Việt Nam. NXB Văn hoá Dân tộc.
3. Trần Quốc Vượng (2005). Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam. NXB Văn hoá thông tin.
4. Nguyễn Bá Lăng (1972) Văn hoá Phật giáo thời Lý. Viện nghiên cứu Phật học.
5. Nguyễn Hồng Dương (2007) Phật giáo và văn hoá Việt Nam. NXB Tôn giáo.
6. Pierre Bourdieu (1993) The Field of cultural Production, Polity Press.
7. Michel Foucault (1980) Power/Knowledge: Selected Interviews & Other Writings, Pantheon.
8. Roland Barthes (1977) Image – Music – Text, Fontana Press.
9. Nicolas Bourriaud (2002) Relational Aesthetics, Les Presses du réel.
10. Clifford Geertz (1973) The Interpretation of Cultures, Basic Book.

SCULPTURE ART IN THE LY DYNASTY APPROACH FROM INTEGRATED THEORIES

Vu Thi Hang

Abstract: *The article approaches the sculpture art in Ly Dynasty pagodas (XI-XII centuries) as a complex system of symbols - society - aesthetics, through the application of 11 modern interdisciplinary research theories. This essay is similar to a research work, affirming that Ly Dynasty pagoda sculpture is not only a product of fine arts but also a discourse of power - religion - gender - ethnicity in a sacred, unique design system. Ly Dynasty pagodas as a whole entity become a living symbolic space where art, beliefs and national identity are organized systematically and interactively.*

Keywords: *Ly dynasty pagoda sculpture, Symbols - rituals - identities, interdisciplinary theory, semiotic, Buddhist aesthetics, art and power.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-6-2025; ngày phản biện đánh giá: 01-7-2025; ngày chấp nhận đăng: 23-7-2025)

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH MỘT SỐ TÁC PHẨM ĐIÊU KHẮC THỜI LÝ



*Kim cương lực sĩ chùa Long Đọi Sơn
– ảnh tác giả chụp tháng 12.2024*



*Cột đá chùa Dạm - ảnh tác giả
chụp tháng 11.2024*



*Gạch trang trí hình hoa cúc dây chùa
Long Đọi Sơn - ảnh tác giả chụp
tháng 12.2024*



*Tượng Phật ngồi trên đài sen chùa
Phật Tích - ảnh tác giả chụp tháng
11.2024*